

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 472/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 5 - 2026

“V/v Ly hôn và tranh chấp về con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – GIA LAI, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Viên

2. Bà Nguyễn Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Mỹ Trinh là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Trần Võ Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 303/2026/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2026 về ly hôn và tranh chấp về con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 181/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Võ Thị Thu Ph**, sinh ngày 26/12/1986

Căn cước số: 054186006441; cấp ngày 07/5/2025

Địa chỉ: 277 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai; có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Khánh Q, sinh ngày 07/7/1979

Căn cước công dân số 052079032229; cấp ngày 06/4/2023

Nơi đăng ký thường trú: 277 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai.

Hiện nay đang chấp hành hình phạt tù tại phân trại số 2, Trại giam Xuân Phước, tỉnh Đắk Lắk; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Võ Thị Thu P trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Khánh Q đăng ký kết hôn năm 2010 đến năm 2016 chị và anh Q ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số: 1009/2016/QĐST-HNGĐ ngày 26/10/2016 của

Toà án nhân dân thành phố Quy Nhơn. Sau khi ly hôn chị và anh Q vẫn chung sống với nhau. Đến ngày 20/10/2022 chị và anh Quyền đăng ký kết hôn lại tại UBND phường Nguyễn Văn Cừ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (nay là phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai). Sau khi kết hôn lại vợ chồng chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Hiện nay anh Q đang chấp hành án phạt tù tại phân trại số 2, Trại giam Xuân Phước, tỉnh Đắk Lắk với mức án 14 năm tù. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị quyết định xin ly hôn anh Lê Khánh Q để ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là: Lê Võ Nhựt T, sinh ngày 10/8/2011 và Lê Võ Hạo N, sinh ngày 06/01/2014, sức khỏe các cháu bình thường. Hiện hai con chung đang ở với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự giải quyết không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/4/2026, bị đơn anh Lê Khánh Q trình bày: Anh và chị Võ Thị Thu Ph kết hôn năm 2010 đến năm 2016 ly hôn theo Quyết định số: 1009/2016/QĐST-HNGĐ ngày 26/10/2016 của Toà án nhân dân thành phố Quy Nhơn. Sau khi ly hôn anh và chị P vẫn chung sống với nhau bình thường. Đến ngày 20/10/2022 anh và chị P đăng ký kết hôn lại tại UBND phường Nguyễn Văn Cừ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (nay là phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai). Sau khi kết hôn lại vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường, có lúc mâu thuẫn nhưng không lớn. Hiện nay anh đang chấp hành hình phạt tù tại phân trại số 2, Trại giam Xuân Phước, tỉnh Đắk Lắk nên chị P xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là: Lê Võ Nhựt T, sinh ngày: 10/8/2011 và Lê Võ Hạo N, sinh ngày: 06/01/2014. Hiện hai con chung đang ở với chị P. Nếu ly hôn anh đồng ý giao hai con chung cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Vì hiện nay anh đang chấp hành hình phạt tù nên không có khả năng cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự giải quyết không yêu cầu Tòa giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị Thu P được ly hôn với anh Lê Khánh Q ;

- Về con chung: Giao hai con chung là cháu Lê Võ Nhựt T, sinh ngày 10/8/2011 và cháu Lê Võ Hạo N, sinh ngày 06/01/2014 cho chị Võ Thị Thu

Phương trực tiếp nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị P không yêu cầu nên Toà không giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị P và anh Q không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Võ Thị Thu P là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Còn anh Lê Khánh Q là bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Võ Thị Thu P và anh Lê Khánh Quyền là hôn nhân hợp pháp. Theo chị P trình bày: Chị xin ly hôn anh Quyền vì tình cảm vợ chồng không còn là do bất đồng quan điểm sống. Hiện nay anh Q đang chấp hành án tại trại giam Xuân Phước, tỉnh Đắk Lắk với mức án 14 năm tù. Nay chị không còn tình cảm với anh Q nên chị yêu cầu được ly hôn anh Quyền. Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/4/2026 anh Lê Khánh Q cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không lớn. Hơn nữa hiện nay anh đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Xuân Phước nên tình cảm vợ chồng nhạt phai. Chị P cương quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Xét thấy hôn nhân giữa chị Phương và anh Q không còn thương yêu, quý trọng, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống vợ chồng. Do đó hôn nhân của anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu ly hôn của chị P và được anh Q đồng ý là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Phương và anh Quyền có 02 con chung là cháu Lê Võ Nhựt T, sinh ngày 10/8/2011 và cháu Lê Võ Hạo N, sinh ngày 06/01/2014. Sức khỏe các cháu bình thường và hiện nay đang ở với chị Phương. Khi ly hôn chị P xin nuôi hai con chung và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Anh Q đồng ý chị P nuôi hai con chung và không yêu cầu Toà án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung là cháu Lê Võ Nhựt T, sinh ngày 10/8/2011 và cháu Lê Võ Hạo N, sinh ngày 06/01/2014. Hiện nay cháu Tuyên và cháu N đang ở ổn định với chị P và các cháu cũng có nguyện vọng muốn ở với mẹ. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của các cháu, do đó cần giao cháu Lê Võ Nhựt T và cháu Lê Võ Hạo N cho chị Võ Thị Thu P trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị P và anh Q không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị P và anh Q không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

[5] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Võ Thị Thu P phải chịu 300.000đồng.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị về giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Võ Thị Thu P ly hôn anh Lê Khánh Q .

2. Về nuôi con chung:

- Giao cháu Lê Võ Nhựt T , sinh ngày 10/8/2011 và cháu Lê Võ Hạo N , sinh ngày 06/01/2014 cho chị Võ Thị Thu P trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị P và anh Q không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên đều có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không bên nào được ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Chị P và anh Q không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Võ Thị Thu P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tạm ứng án phí theo biên lai số 0003271 ngày 08/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Chị Phương đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo

quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- VKSND Khu vực 1 – Gia Lai;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- UBND P. Quy Nhơn Nam
(P. Nguyễn Văn Cừ cũ);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hương

